

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hồ Nai, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.648.554.786	48.689.565.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.853.482.185	14.443.206.333
1. Tiền	111		2.840.074.622	3.373.206.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.013.407.563	11.070.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.794.000.000	1.805.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.465.593.987	2.733.593.333
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(671.593.987)	(928.193.333)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.287.861.544	20.058.521.769
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	12.919.846.576	7.344.105.303
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	5.227.204.994	5.454.789.436
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	3.140.809.974	7.418.019.160
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	-	(158.392.130)
IV. Hàng tồn kho	140		12.024.931.691	12.240.008.124
1. Hàng tồn kho	141	V.8	12.024.931.691	12.240.008.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		688.279.366	142.428.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.17	594.509.366	3.628.858
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		93.770.000	138.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hồ Nai, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.764.586.049	97.723.615.887
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.490.942.508	20.166.475.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	6.584.369.700	6.098.660.418
<i>Nguyên giá</i>	222		10.900.044.004	11.037.475.965
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.315.674.304)	(4.938.815.547)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		31.606.200	31.606.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(31.606.200)	(31.606.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	11.906.572.808	14.067.815.291
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	49.759.475.595	54.290.331.470
<i>Nguyên giá</i>	241		93.498.613.706	91.286.522.797
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(43.739.138.111)	(36.996.191.327)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.213.778.165	20.979.085.909
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	24.280.489.909	20.979.085.909
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(66.711.744)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.300.389.781	2.287.722.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.300.389.781	2.287.722.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.413.140.835	146.413.180.971

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hồ Nai, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.402.230.140	64.268.918.289
I. Nợ ngắn hạn	310		12.379.500.270	15.652.583.456
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	4.889.790.971	5.052.965.066
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	4.048.734.791	6.030.336.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.211.640.372	313.852.560
5. Phải trả người lao động	315	V.18	525.826.632	949.197.150
6. Chi phí phải trả	316	V.19	606.523.750	465.638.060
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	489.646.604	1.524.705.989
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	607.337.150	1.315.888.431
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		49.022.729.870	48.616.334.833
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	447.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	48.575.729.870	48.616.334.833
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.010.910.695	82.144.262.682
I. Vốn chủ sở hữu	410		84.010.910.695	82.144.262.682
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	12.140.330.360	10.845.605.232
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	4.886.555.161	4.280.227.778
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	16.984.025.174	17.018.429.672
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.413.140.835	146.413.180.971

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hồ Nai, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

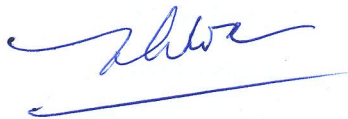
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

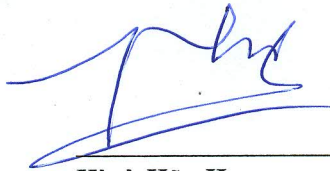
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		158.392.130	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		318,88	318,88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Lê Mạnh Khoa
Người lập biểu



Hành Hữu Hưng
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2014



Thái Minh Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hồ Nai, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.834.849.277	54.734.759.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	59.834.849.277	54.734.759.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.704.121.039	31.267.673.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.130.728.238	23.467.085.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.239.892.255	2.604.333.539
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	973.134.537	615.853.428
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	593.566.900
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.362.573.010	1.409.054.190
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.661.205.753	6.965.874.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.373.707.193	17.080.637.013
11. Thu nhập khác	31	VI.7	433.178.489	233.792.117
12. Chi phí khác	32		53.270.077	970.438
13. Lợi nhuận khác	40		379.908.412	232.821.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.753.615.605	17.313.458.692
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	938.670.199	1.203.926.817
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.814.945.406</u>	<u>16.109.531.875</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.563</u>	<u>3.222</u>

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Lê Mạnh Khoa
Người lập biểuHành Hữu Hưng
Kế toán trưởngThái Minh Quang
Tổng Giám đốc